

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:129/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

*V/v Tranh chấp về hôn nhân gia  
đình và nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Xuân Giao

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên  
tòa có** ông Phạm Đức Lễ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-DS ngày 24/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2021 và Thông báo chuyển lịch xét xử giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh V - sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 166/36/5 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: số 18 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**2.Bị đơn:** Bà Đoàn Thị Ngọc H - sinh năm 1976 ( vắng mặt)

Địa chỉ: số 166/36/5 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:*

Tôi và bà Đoàn Thị Ngọc H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/9/2009. Trong quá trình chung sống với nhau, chúng tôi hạnh phúc một thời gian thì thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau nên thường xảy ra cãi vã. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và cô H không còn nữa, mâu thuẫn đã kéo dài, hai người hiện sống ly thân, nay nguyện vọng của tôi xin được ly hôn với cô H.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 31/5/2015. Hiện cháu đang sống cùng tôi nên tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Đoàn Thị Ngọc H để làm việc và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:*

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh V là có căn cứ vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho ông Nguyễn Thanh V được ly hôn với bà Đoàn Thị Ngọc H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T - sinh ngày 31/5/2015 cho ông Nguyễn Thanh V nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thanh V không yêu cầu bà Đoàn Thị Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông Nguyễn Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn bà Đoàn Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời trình bày của ông V, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà H tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của ông V và bà H thì trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau. Mâu thuẫn quá lớn và không giải quyết được nên ông V và bà H đã sống ly thân nhau.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết: Ông V và bà H là vợ chồng, cư trú tại địa phương. Quá trình chung sống giữa ông V và bà H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên ông V và bà H đã sống ly thân, ông V đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H, không yêu cầu hòa giải ở địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được cụ thể mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông V.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông V và bà H xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông V xin ly hôn bà H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

Về con chung: Ông V và bà H có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 31/5/2015.

Ông V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T đến tuổi trưởng thành. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bà H đều vắng mặt tại Tòa án nên Tòa án không tiến hành làm việc với bà H được. Tuy nhiên theo anh V từ khi ông và bà H sống ly thân cho đến nay thì cháu T vẫn đang ở với ông. Xét nguyện vọng của

ông V và các điều kiện nuôi dưỡng con. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho ông V nuôi dưỡng là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông V không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh V. Ông Nguyễn Thanh V được ly hôn với bà Đoàn Thị Ngọc H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh T - Sinh ngày: 31/5/2015 cho ông Nguyễn Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Đoàn Thị Ngọc H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thanh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐST được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0018775 ngày 26/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Đoàn Thị Ngọc H không phải chịu tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Thanh**





